

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày 04 tháng 5 năm 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Huỳnh Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13A/2021/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST - DS ngày 19 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-DS ngày 14/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn T**

Địa chỉ: Lầu 8, 226-228 Nam Kỳ K, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Giấy ủy quyền số 156/2021/UQ-CNĐN ngày 01/01/2021 của ông Hoàng Thanh H – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tại Đà Nẵng). Địa chỉ chi nhánh: 130A-130-132 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.(Có mặt).

- Bị đơn: ông **Nguyễn Văn D** – sinh năm: 1972. Hộ khẩu thường trú: K3./5 Nguyễn Tri P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Ngày 11/4/2016, ông Nguyễn Văn D có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất: 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi kích hoạt thẻ, từ ngày 30/4/2016 và 31/5/2016, ông D đã thực hiện 02 giao dịch với tổng số tiền là 14.000.000 đồng, ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.735.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), còn lại nợ gốc là 5.872.076 đồng, qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/6/2017 Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tính lãi đến ngày 22/7/2020 là 8.426.320 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng thay đổi yêu cầu tính lãi, lãi tiếp tục tính đến ngày xét xử là ngày 04/5/2021 là: 10.525.560 đồng

Tính đến ngày xét xử ngày 04/5/2021, ông D còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 5.872.076 đồng; nợ lãi: 10.525.560 đồng (trong đó: lãi trong hạn: 7.017.040 đồng, lãi quá hạn: 3.508.520 đồng); Tổng cộng: 16.397.636 đồng. Lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 05/5/2021 cho đến khi ông D trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông D thanh toán toàn bộ số nợ trên.

* Tại Đơn trình bày ghi ngày 26 tháng 01 năm 2021, ông D ghi:

Tôi xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền là 5.872.076 đồng (nợ gốc) và nợ lãi 8.426.320 đồng, tổng cộng số tiền nợ là 14.298.396 đồng. Hiện nay vì kinh tế của tôi đang gặp khó khăn nên tôi đề nghị cho tôi thêm thời gian để trả dứt nợ. Tôi xin đề xuất trả nợ như sau: tôi sẽ trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng trong vòng 12 tháng. Tôi xin cam kết ngày 2/2 thanh toán 4 triệu, đến ngày 28/2 thanh toán 5 triệu. Lãi phát sinh xin Ngân hàng giảm cho tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn D hiện cư trú tại địa chỉ 3../5 Nguyễn Tri P, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 177; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông D vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 11/4/2016, ông Nguyễn Văn D đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T. Hạn mức sử dụng là 15.000.000đồng, lãi suất 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn D phải thanh toán các khoản sau: Nợ gốc: 5.872.076đồng; nợ lãi: 10.525.560đồng (trong đó: lãi trong hạn: 7.017.040đồng, lãi quá hạn: 3.508.520đồng); Tổng cộng: 16.397.636đồng. Lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 05/5/2021 cho đến khi ông D trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông D vắng mặt, nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện ông D thừa nhận có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/4/2016 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và số nợ như Ngân hàng yêu cầu.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy: Từ 31/01/2017 cho đến nay ông D không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, ngoài ra tại cam kết ngày 26/10/2021, ông D cũng không thực hiện, như vậy ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại Điều 23 trong Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T mà ông đã ký kết với Ngân hàng ngày 11/4/2016. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông D phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 5.872.076đồng (*Năm triệu tám trăm bảy hai ngàn không trăm bảy sáu đồng*), nợ lãi (tính từ ngày 30/6/2017 đến ngày 04/5/2021) là: 10.525.560đồng (*Mười triệu năm trăm hai lăm ngàn năm trăm sáu mươi đồng*) (trong đó: lãi trong hạn: 7.017.040đồng (*Bảy triệu không trăm mười bảy ngàn không trăm bốn mươi đồng*), lãi quá hạn: 3.508.520đồng (*Ba triệu năm trăm không tám ngàn năm trăm hai mươi đồng*); Tổng cộng: 16.397.636đồng (*Mười sáu triệu ba trăm chín bảy ngàn sáu trăm ba sáu đồng*), lãi phát sinh tiếp tục tính từ ngày 05/5/2021 đến khi ông D thanh toán hết số nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 11/4/2016 là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn D phải chịu theo qui định của pháp luật là: 16.397.636đồng x 5% = 819.881đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đối với ông Nguyễn Văn D.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc: số tiền nợ gốc là: 5.872.076đồng (*Năm triệu tám trăm bảy hai ngàn không trăm bảy sáu đồng*), nợ lãi (tính từ ngày 30/6/2017 đến ngày 04/5/2021) là: 10.525.560đồng (*Mười triệu năm trăm hai lăm ngàn năm trăm sáu mươi đồng*) (trong đó: lãi trong hạn: 7.017.040đồng (*Bảy triệu không trăm mười bảy ngàn không trăm bốn mươi đồng*), lãi quá hạn: 3.508.520đồng (*Ba triệu năm trăm không tám ngàn năm trăm hai mươi đồng*)); Tổng cộng: 16.397.636đồng (*Mười sáu triệu ba trăm chín bảy ngàn sáu trăm ba sáu đồng*).

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 05/5/2021 đến khi ông D thanh toán hết số nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ký ngày 11/4/2016.

2. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn D phải chịu là: 819.881đồng (*Tám trăm mười chín ngàn tám trăm tám một đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí 357.500đồng (*Ba trăm năm bảy ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 9480 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- CCTHADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Anh